TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÔNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày 03 - 4 - 2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Lệ Chi; Bà Lê Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

Ngày 03 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự số 80/2019/DSST ngày 12 tháng 12 năm 2019, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01A/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020. Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. *(có mặt)*

Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt – Đã tống đạt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2019, tại bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Văn M, trình bày:

Ngày 04/01/2019 anh Trần Văn N có vay tôi hai lần với số tiền là 14.024.000 đồng (Mười bốn triệu không trăm hai mươi tư nghìn đồng), vay về để chi tiêu tết Kỷ Hợi 2019, việc vay tiền anh N có ký vào giấy viết tay. Hai bên thỏa thuận miệng là sau tết thì anh N sẽ làm công sơn nhà cho tôi để trừ nợ. Tuy

nhiên, anh N đã không thực hiện công việc của mình như đã cam kết, tôi đã nhiều lần đòi lại tiền nợ nhưng anh N trốn tránh không chịu trả mà còn tỏ thái độ thách thức.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn N phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền là 14.024.000đ *(Mười bốn triệu không trăm hai mươi tư nghìn đồng).*

Ngày 18/02/2020 ông Lê Văn M đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.250.000 đồng, vì trước đó anh N đã làm cho ông M được 12,5 công. Ông M yêu cầu anh N phải trả số tiền 10.774.000 đồng *(Mười triệu bảy trăm bảy mươi tư nghìn đồng).* Không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn anh Trần Văn N: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh N vắng mặt không có lý do và cũng không có yêu cầu phản tố. Ngày 28/12/2019 đại diện Tòa án kết hợp với đại diện chính quyền địa phương đã trực tiếp đến nhà anh N để làm việc, quá trình làm việc có mặt anh Trần Văn N cán bộ Tòa án đã thông báo nội dung làm việc, đồng thời tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh N. Tuy nhiên, anh N cho rằng có nợ tiền ông M nhưng không phải là số tiền 14.024.000 đồng như yêu cầu khởi kiện, do anh cũng đã làm trả được cho ông M mấy ngày công mà ông M chưa trừ ra nên không đến Tòa án để làm việc, số nợ còn lại cụ thể bao nhiêu và đã làm cho ông M được mấy ngày công thì anh N không nói rõ, sau đó anh N không hợp tác để làm việc, không nhận thông báo thụ lý vụ án, không viết bản tự khai và dùng tay đập bàn thách thức. Chúng tôi đã cùng với đại diện chính quyền địa phương lập biên bản sự việc để làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án. Ngoài ra, Tòa án cũng đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án số 80/2019/TB-TLVA ngày 12/12/2019 cho bà Nguyễn Thị N1 là mẹ ruột của anh N và bà N1 có cam kết sẽ giao lại cho anh N, đồng thời Tòa án cũng đã niêm yết công khai Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Tuy nhiên, ông N đều vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, ông N tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hoãn phiên tòa đã được niêm yết công khai theo đúng quy định.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Trần Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú, qua xác minh, ông Trần Hồng L – Trưởng Công an xã Đ

cho biết: anh Trần Văn N – sinh năm 1987 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn M, xã Đ, huyện B, chủ hộ là ông Trần V – sinh năm 1935 là cha của anh N, mẹ của anh N là bà Nguyễn Thị N1. Anh Trần Văn N hiện nay có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang thực tế sinh sống tại Thôn M, xã Đ, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Tài liệu chứng cứ trong vụ án: ông M cung cấp Giấy ứng tiền ăn tết ngày 04/01/2019 có chữ ký của bị đơn anh Trần Văn N.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu HĐXX xem xét buộc anh Trần Văn N có trách nhiệm trả cho ông M số tiền nợ là 10.774.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Lê Văn M với anh Trần Văn N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn đã được giao giấy triệu tập hợp lệ nhưng không đến phiên tòa để tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên tòa ngày hôm nay đều thấy rằng**:** Ngày 04/01/2019 anh Trần Văn N có vay của ông Lê Văn M hai lần với số tiền là 14.024.000 đồng (lần 1 ứng 11.024.000đ, lần 2 ứng thêm 3.000.000đ), vay về để chi tiêu tết Kỷ Hợi 2019, việc vay tiền anh N có ký vào giấy viết tay. Hai bên thỏa thuận miệng là sau tết thì anh N sẽ làm công thợ sơn nhà cho ông M để trừ nợ. Tuy nhiên, anh N chỉ trả được cho ông M 12,5 công tương ứng với số tiền là 3.250.000 đồng, số tiền còn lại là 10.774.000 đồng anh N không thực hiện việc trả công như đã cam kết, ông M đã nhiều lần đòi lại tiền nợ nhưng anh N trốn tránh không chịu trả mà còn tỏ thái độ thách thức. Ông M khởi

kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn N phải có trách nhiệm trả số tiền là 10.774.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất.

HĐXX xét thấy, trong giấy ký nhận có ghi ứng tiền ăn tết nên xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi giấy triệu tập nhưng anh N đầu không đến Tòa án để làm việc. Cán bộ Tòa án phối hợp với đại diện chính quyền địa phương đến nhà anh N để làm việc. Tuy nhiên, tại buổi làm việc anh N cho rằng có nợ tiền ông M nhưng không nói cụ thể nợ bao nhiêu, đồng thời anh N không hợp tác làm việc mà dùng tay đập bàn tỏ thái độ thách thức và coi thường cán bộ Tòa án và đại diện chính quyền địa phương nên không làm việc được mà chỉ lập biên bản việc anh N không hợp tác làm việc để làm căn cho việc giải quyết vụ án. Do vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được. Việc anh N không hợp tác làm việc và tỏ thái độ thách thức là đúng thực tế như ông M đã trình bày. Anh N thừa nhận mình có nợ tiền ông M nhưng không hợp tác để làm việc và cũng không có yêu cầu phản tố, điều đó thể hiện việc anh N thực tế là có ứng vay tiền của ông M để chi tiêu tết Kỷ hợi 2019, sau tết sẽ đi làm thợ sơn nhà trả công cho ông M để trừ nợ nhưng anh N không thực hiện trả công đúng như đã cam kết và cũng không hợp tác với Tòa án làm việc, như vậy anh N đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy khởi kiện của ông M là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên cần được HĐXX chấp nhận. Buộc anh Trần Văn N phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn M số tiền nợ là 10.774.000 đồng.

Ông Minh không yêu cầu lãi suất nên không đặt ra để giải quyết.

Ngày 18/02/2020 Ông M đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.250.000 đồng nên HĐXX đình chỉ giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông M được chấp nhận nên buộc anh Trần Văn N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là (10.774.000đ x 5%) 538.700 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông M là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; 266; 271; 273; 278; 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 116; 119; 280; 288; 463; 466; 469; 357 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn M về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc anh Trần Văn N phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Văn M số tiền nợ gốc là 10.774.000 đồng *(Mười triệu, bảy trăm bảy mươi tư nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

[2] *Về án phí:* anh Trần Văn N phải chịu 539.000 đồng *(Năm trăm ba mươi chín nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm (lấy tròn số). Nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông.

Trả lại cho ông Lê Văn M số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005994 ngày 12/12/2019.

[3] Thông báo quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND H Krông Bông;
- THADS H Krông Bông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Văn Hồi